

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 8 - 2022

V/v tranh chấp: “Không công nhận
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương
2. Ông Dương Tấn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hồng T**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm: 1968

Hộ khẩu thường trú: Ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh Long An

Tạm trú: 3/2/5 Đường Nguyễn Văn Tuôi, khu phố X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hồng T trình bày như sau: Ông và bà L cưới nhau vào giữa năm 1987, hôn nhân do mai mối, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 1989 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1988 hiện đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày tại bản tường trình ngày 18/7/2022 như sau: Bà và ông T cưới nhau năm 1987, hôn nhân do mai mối, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 1989 bà về bên nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay không có gặp lại nhau. Nay ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1988 đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Thị Kim L nhưng bà L có đơn xin Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà L nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Hồng T khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị Kim L là quan hệ pháp luật “Không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Ông T và bà L cưới nhau vào giữa năm 1987, không có đăng ký kết hôn và tại phiên tòa ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T với bà L vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm cũng không còn.

[2.3] Xét thấy ông T và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ giữa năm 1987 trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*. Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L không được pháp luật công nhận vì vậy ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T với bà L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1988 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Kim L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0006500 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ YẾN TRINH

**Thành Viên
Hội Đồng Xét Xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến Trinh

